

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số: 25/2021/CVN

V/v CBTT Nghị quyết ĐHĐCĐ

thường niên năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2021

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Mã chứng khoán: **CVN**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà VTC online, 18 Tam Trinh, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Mạnh Cường**

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà VTC online, 18 Tam Trinh, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố (\*):

Thực hiện việc công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Vinam xin báo cáo Quý Ủy ban và Quý Sở về việc công bố thông tin như sau:

- Nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
- Toàn văn Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam
- Toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty
- Toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
- Toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Thông tin trên đã được Chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 01/07/2021 tại địa chỉ:

<https://vinamgroup.com.vn/quan-he-co-dong>

Công ty Cổ phần Vinam cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

**Trân trọng cảm ơn!**

**Nơi nhận:**

- Như trên.

- Lưu VP.



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Mạnh Cường*

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vinam;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Vinam ngày 30/06/2021;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Vinam ngày 30/06/2021.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo số 01/2021/BC-BGD của Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (Báo cáo kèm theo).

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo số 02/2021/BC-HĐQT của Hội đồng quản trị Về Công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 (Báo cáo kèm theo).

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo số 03/2021/BC-BKS về Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021 (Báo cáo kèm theo).

**Điều 4:** Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 (mục 1 của Tờ trình số 04/2021/TTr-HĐQT) (tờ trình kèm theo).

**Điều 5:** Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 115.499.940.000 đồng lên 197.999.940.000 đồng (mục 2 của Tờ trình số 04/2021/TTr-HĐQT) (tờ trình kèm theo).

**Điều 6:** Thông qua Tờ trình số 05/2021/TTr-HĐQT về lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán, soát xét các BCTC năm 2021 (tờ trình kèm theo).

**Điều 7:** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2020 (mục 1 của Tờ trình số 06/2021/TTr-HĐQT) (tờ trình kèm theo).









Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2021

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
- Mã chứng khoán: CVN
- Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa VTC online, 18 Tam Trinh, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102174005 do Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 08/02/2021.
- Thời gian họp: Khai mạc: 14 giờ 35 phút ngày 30/06/2021
- Địa điểm: Phòng Jaune A, Tầng 2, Khách sạn Du Parc Hanoi, 84 Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
- Thành phần tham dự:
  - + Cổ đông Công ty Cổ phần Vinam theo danh sách chốt ngày 24/05/2021 do Trung tâm Lưu ký

Chứng khoán Việt Nam cấp.

- + Hội đồng Quản trị.
- + Ban Giám đốc
- + Ban kiểm soát

**I. THỦ TỤC ĐẠI HỘI**

**1. Báo cáo kiểm tra cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

- Ban Tổ chức đã tiến hành đăng ký cổ đông tham dự đại hội.
- Đại diện Ban kiểm tra cổ đông thay mặt Ban tổ chức đọc Biên bản Kiểm tra cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra cổ đông tham dự ĐHDCĐ.
- ✓ Tổng số cổ đông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHDCĐ thường niên năm 2021 (ngày 24/05/2021): 1.702 cổ đông
- ✓ Tổng số cổ phần sở hữu: 19.799.994 cổ phần
- ✓ Đến thời điểm 14 giờ 35 phút, tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua ủy quyền là: 12 đại biểu, đại diện 11.247.021 cổ phần, chiếm 56,8% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Vinam với thành phần tham dự như trên có đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo đúng quy định của pháp luật.

**2. Đoàn chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu tại Đại hội:**

- **Chủ tọa đại hội:**

HĐQT và Ban tổ chức đại hội nhận được văn bản của ông TAKISHITA AKIRA – Chủ tịch HĐQT Công ty vắng mặt trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 30/06/2021 vì lý do dịch bệnh covid 19 có diễn biến mới phức tạp nên thời điểm này ông TAKISHITA AKIRA không thể quay trở lại Việt Nam. Căn cứ Điểm a khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020 quy





định: “*Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số*”; Căn cứ theo quy định này, HĐQT đã họp và thống nhất bầu ông Nguyễn Mạnh Cường – thành viên HĐQT kiêm Giám đốc làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 30/06/2021 của Công ty thay cho ông TAKISHITA AKIRA.

- ✓ Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc: Chủ tọa đại hội
- ✓ Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kế toán trưởng – Thành viên Ban chủ tọa để hỗ trợ Chủ tọa.

- **Thư ký đại hội:**

Chủ tọa đại hội chỉ định Thư ký để ghi chép lại các nội dung của đại hội gồm:

- ✓ Bà Phạm Thị Thu Phương – Thư ký

- **Ban kiểm phiếu:**

- Bà Phạm Thị Bích Liên – làm Trưởng ban kiểm phiếu
- Bà Trần Thị Thùy Linh – Thành viên
- Ông Phạm Thành Đạt – Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu bằng bình thức giơ Thẻ biểu quyết.

**Kết quả biểu quyết:**

- ✓ Số phiếu biểu quyết tán thành là 11.247.021 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội.
- ✓ Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội.
- ✓ Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội.

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

## **II. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI**

### **1. Thông qua Quy chế làm việc của đại hội**

- Ban tổ chức đã trình bày dự thảo Quy chế Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 bằng bình thức giơ Thẻ biểu quyết.

**Kết quả biểu quyết:**

- ✓ Số phiếu biểu quyết tán thành là 11.247.021 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội.
- ✓ Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội.
- ✓ Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội.

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14, nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

### **2. Thông qua chương trình nghị sự của đại hội**

- Ban tổ chức thông báo chương trình làm việc của đại hội.
- Đại hội biểu quyết thông qua chương trình làm việc của đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.



Kết quả biểu quyết:

- ✓ Số phiếu biểu quyết tán thành là 11.247.021 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội.
- ✓ Số phiếu biểu quyết không tán thành là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội.
- ✓ Số phiếu biểu quyết không có ý kiến là 0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội.

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14, nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

### III. TÓM TẮT ĐIỂN BIẾN ĐẠI HỘI

#### 1. Trình bày các báo cáo, tờ trình của đại hội

- Ông Nguyễn Mạnh Cường – thành viên HĐQT kiêm Giám đốc trình lần lượt các báo cáo sau:
  - ✓ Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
  - ✓ Báo cáo của Ban Giám đốc năm 2020;
- Tiếp đó, Ban tổ chức đã trình bày lần lượt trình bày các và tờ trình sau:
  - ✓ Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020;
  - ✓ Tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; Thông qua báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được kiểm toán;
  - ✓ Tờ trình Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021;
  - ✓ Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020; kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS 2021;
  - ✓ Tờ trình thay đổi trụ sở chính; bổ sung chi tiết ngành nghề kinh doanh;
  - ✓ Tờ trình thông qua thành lập Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT;
  - ✓ Tờ trình thông qua sửa đổi toàn văn Điều lệ và các Quy chế quản trị về nội bộ Công ty CP Vinam; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của BKS.
  - ✓ Tờ trình Thông qua hủy phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tổ chức ngày 29/06/2020 và thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021.

#### 2. Thảo luận tại đại hội

Sau phần trình bày các báo cáo, tờ trình, đại hội chuyển sang phần thảo luận.

Nội dung thảo luận tại đại hội:

**Câu hỏi 1:** Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2021. Kế hoạch kinh doanh năm 2021 HĐQT đề ra rất cao, HĐQT trình bày rõ hơn về kế hoạch chi tiết để đạt được kế hoạch này?

**Trả lời:**

Công ty đang có chiến lược chuyển dịch từ thương mại sang mảng sản xuất, trong đó có mảng sản xuất, chế biến thực phẩm. Hiện tại Công ty hợp tác với Công ty TNHH thực phẩm chế biến Mitraco (“Mitraco”) để vận hành hoạt động các dây chuyền giết mổ, chế biến thực phẩm đặt tại Nhà máy thực phẩm chế biến Mitraco. Nhà máy được xây dựng trên diện tích 12,5ha tại địa chỉ Tổ dân phố Đông Kinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Vinam thông qua công ty con là Vinam Vững Áng hiện đã đưa dây chuyền sản xuất, chế biến thực phẩm này đi vào hoạt động để sản xuất các sản phẩm chế biến sẵn từ gà, cá,... Công ty áp dụng công nghệ của Nhật vào sản xuất, chế biến và bảo quản, hút chân không thực phẩm để có thể bảo quản lạnh (làm mát) trong thời gian 2 năm mà không làm thực phẩm bị biến đổi, bị hỏng. Bước đầu, sản phẩm chế biến từ gà của công ty đang đưa sản



phẩm ra tiếp cận thị trường khu vực phía nam và Ban giám đốc công ty có kế hoạch để đưa sản phẩm này vào hệ thống các siêu thị.

Mảng kinh doanh nữa mà công ty đang tập trung là kinh doanh khí, bước đầu công ty đã triển khai ở khu vực phía nam thông qua công ty con là Công ty Vinam Sài Gòn. Còn việc thực hiện kinh doanh khí ở phía bắc thông qua CVN mẹ thì Công ty đang chờ nguồn vốn từ phát hành hiện hữu để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho mảng kinh doanh này tại trụ sở. Doanh thu từ kinh doanh khí này Công ty dự kiến đạt khoảng 50 tỷ đồng/tháng.

Một mảng kinh doanh mới mà Công ty đang tiến hành triển khai là xây dựng các nhà máy ở các khu công nghiệp ở Ba Chẽ - Quảng Ninh, Hậu Giang, Vũng Áng, ... để sản xuất, chế biến dược phẩm, thực phẩm chức năng, ... để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Với những định hướng và chiến lược phát triển về các mảng kinh doanh trên, Chúng tôi tin tưởng sẽ đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã đề ra.

**Câu hỏi 2:** Tôi có thắc mắc về việc công bố thông tin của cổ đông lớn, trên trang web của công ty tôi không tìm thấy mục công bố thông tin của cổ đông lớn.

*Trả lời:*

Việc công bố thông tin của cổ đông lớn là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cổ đông lớn, khi cổ đông chạm mốc sở hữu 5% (trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn) và khi họ có giao dịch làm thay đổi sở hữu cổ phiếu thì họ phải thực hiện báo cáo Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và tổ chức phát hành. Ngay khi nhận được các báo cáo về giao dịch của cổ đông lớn thì Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ trên website của công ty tại địa chỉ: <https://vinamgroup.com.vn/quan-he-co-dong?page=2> (mục Quan hệ cổ đông). Công ty đảm bảo việc công bố các thông tin này của công ty là đầy đủ và chính xác. Để cổ đông có thể theo dõi dễ hơn các thông tin riêng về báo cáo giao dịch của cổ đông lớn, Chúng tôi sẽ thực hiện gom riêng thành mục "Báo cáo giao dịch của cổ đông lớn" trong mục "Quan hệ cổ đông" trên website của Công ty.

**Câu hỏi 3:** Thời gian nào công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu? Thời gian nào Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu?

*Trả lời:*

Trong kế hoạch kinh doanh năm 2021, HĐQT có đề xuất việc sẽ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 20% của năm 2021, đây là kế hoạch của năm 2021. Căn cứ kết quả đạt được của năm 2021, HĐQT sẽ thực hiện các thủ tục với các cơ quan quản lý để thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Về thời gian phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Để phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu Công ty cần hoàn thiện các thủ tục để xin cấp phép phát hành với Ủy ban chứng khoán nhà nước, dự kiến thời gian để hoàn tất các thủ tục này mất khoảng 3, 4 tháng. Do đó, HĐQT dự kiến việc phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ vào khoảng cuối năm (sau khi được Ủy ban chứng khoán cấp giấy phép phát hành).

**Câu hỏi 4:** Xin Ban chủ tọa cho biết kế hoạch về việc bổ sung chi tiết ngành nghề kinh doanh về hoạt động phòng khám đa khoa, chuyên khoa?

*Trả lời:*

Với kinh nghiệm kinh doanh mảng thiết bị y tế trong mấy năm vừa qua và công ty cũng có một số đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm mảng phát triển về dược, phòng khám nên đây cũng là một trong những lĩnh vực mà công ty có định hướng phát triển trong tương lai.

**Câu hỏi 5:** Đến thời điểm này Công ty có ước lượng được kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 đạt được bao nhiêu % so với kế hoạch đề ra?



*Trả lời:*

Như chia sẻ với quý cổ đông về các mảng kinh doanh, lĩnh vực mới mà công ty đang và sẽ triển khai trong năm nay thì hiện tại trong quý này công ty con là Vinam Sài Gòn đã bắt đầu triển khai mảng kinh doanh khí và có doanh thu từ kinh doanh khí. Hai công ty con khác ở Quảng Ninh và Hậu Giang cũng đã có doanh thu bước đầu về thực phẩm chức năng (nghệ nano). Do đặc thù của Công ty có nhiều công ty con nằm rải rác ở các tỉnh nên đến thời điểm này bộ phận kế toán chưa nhận được số liệu báo cáo quý 2 của các công ty con. Do chưa có số liệu chính xác từ các công ty con nên xin phép các quý vị cổ đông là chúng tôi chưa thể trả lời chính xác số liệu đạt được của quý 2, ngay khi bộ phận kế toán của Công ty cập nhập được số liệu và lập được BCTC quý 2 Chúng tôi sẽ công bố thông tin theo quy định (muộn nhất vào ngày 30/07/2021).

**Câu hỏi 6:** Công ty kinh doanh khí ga theo hình thức nào? Công ty nhập khẩu khí về và phân phối ra thị trường?

*Trả lời:*

Về mảng kinh doanh khí ga, Công ty kinh doanh theo hình thức ký hợp đồng phân phối với đối tác nhập khẩu khí trực tiếp và bán lại cho công ty sang chiết ga để họ bán lẻ ra thị trường.

**Câu hỏi 7:** Công ty có thể cho biết biên lợi nhuận dự kiến về kinh doanh thương mại khí ga? Và biên lợi nhuận về mảng kinh doanh, chế biến thực phẩm gà, cá?

*Trả lời:*

Biên lợi nhuận của mảng kinh doanh khí ga công ty dự kiến đạt khoảng 2%-5% và biên lợi nhuận mảng sản xuất, chế biến gà đạt khoảng 30%.

**Câu hỏi 8:** Sản phẩm kinh doanh chế biến gà, cá sẽ được đưa công ty bán trực tiếp ra thị trường hay chỉ đưa vào các chuỗi siêu thị?

*Trả lời:*

Hiện tại, Công ty đang làm việc với các siêu thị lớn trong khu vực phía nam để đưa sản phẩm gà chế biến sẵn vào hệ thống siêu thị.

**Câu hỏi 9:** Xin Ban chủ tọa chia sẻ thêm về sản phẩm gà chế biến của công ty có thể bảo quản mát (không cần đá trong ngăn đá) trong 2 năm mà vẫn đảm bảo chất lượng.

*Trả lời:*

Công ty đã nhập khẩu máy móc và máy tiết trùng, máy đóng gói của Nhật và được đối tác bên Nhật chuyển giao công nghệ để đảm bảo bảo quản thực phẩm trong ngăn mát trong 2 năm mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Theo khảo sát của Công ty thì sản phẩm gà chế biến sẵn của công ty với cách bảo quản mát như trên là đặc biệt mà trên thị trường chúng tôi chưa tìm thấy sản phẩm gà chế biến nào tương tự.

### **3. Bỏ phiếu thông qua các nội dung của đại hội**

Sau phần thảo luận, đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết PHIẾU BIỂU QUYẾT bằng phiếu biểu quyết.

Ban tổ chức cập nhập số cổ đông tham dự lúc 16h25 trước khi thực hiện bỏ phiếu PHIẾU BIỂU QUYẾT: Tổng số cổ đông tham dự đại hội (trực tiếp và thông qua ủy quyền) là 13 cổ đông/đại diện cổ đông, đại diện cho 11.254.921 cổ phần, đại diện cho 11.254.921 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 56,84% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết toàn công ty.

### **4. Đại hội nghị giải lao**

### **5. Thông báo biên bản kiểm phiếu PHIẾU BIỂU QUYẾT**

- Đại diện Ban kiểm phiếu lên trình bày Biên bản kiểm phiếu PHIẾU BIỂU QUYẾT;



**5.1 Thông qua Báo cáo số 01/2021/BC-BGD của Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021**

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.920 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	1 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 0,00% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.2 Thông qua Báo cáo số 02/2021/BC-HĐQT của Hội đồng quản trị về Công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021**

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.



**5.3 Thông qua Báo cáo số 03/2021/BC-BKS về Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021**

**Kết quả biểu quyết**

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.4 Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 (mục 1 của Tờ trình số 04/2021/TTr-HĐQT)**

**Kết quả biểu quyết**

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ



ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.5 Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 115.499.940.000 đồng lên 197.999.940.000 đồng (mục 2 của Tờ trình số 04/2021/TTr-HDQT)**

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.6 Thông qua Tờ trình số 05/2021/TTr-HDQT về lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán, soát xét các BCTC năm 2021.**

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.920 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	1 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 0,00% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội



Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.7 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2020 (mục 1 của Tờ trình số 06/2021/TTr-HĐQT)**

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.218.820 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,68% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	36.101 phiếu, chiếm tỷ lệ 0,32% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.8 Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 (mục 2 của Tờ trình số 06/2021/TTr-HĐQT).**

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội



không có ý kiến	
-----------------	--

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.9 Thông qua Tờ trình số 07/2021/TTr-HDQT về thay đổi địa điểm trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.**

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.920 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	1 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 0,00% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.10 Thông qua Tờ trình số 08/2021/TTr-HDQT về việc thành lập Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HDQT.**

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội



Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.11 Thông qua toàn văn Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam (mục 1 của Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT).**

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.920 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	1 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 0,00% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.12 Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vinam (mục 2 của Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT).**

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	



Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.920 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	1 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 0,00% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.13 Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam (mục 3 của Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT)**

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.920 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	1 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 0,00% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

**5.14 Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vinam (mục 4 của Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT)**

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	



Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.920 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	1 phiếu, chiếm tỷ lệ tương đương 0,00% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

*5.15 Thông qua Tờ trình số 10/2021/TTr-HĐQT về việc hủy phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tổ chức ngày 29/06/2020 và thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021.*

Kết quả biểu quyết

Tổng số phiếu phát ra	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu thu về	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Tổng số phiếu hợp lệ	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Trong đó:	
Số phiếu biểu quyết tán thành	11.254.921 phiếu, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không tán thành	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0 phiếu, chiếm tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết tham dự đại hội

Căn cứ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam và Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, nội dung này ĐÃ ĐẠT tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

#### IV. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

- Thư ký đại hội trình bày toàn bộ biên bản đại hội trước đại hội.
- Biên bản này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.
- Đại hội đã thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tại đại hội.
- Thư ký đại hội trình bày toàn văn Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.
- Đại hội đã thông qua Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tại đại hội.
- Biên bản này do Thư ký đại hội ghi lại đầy đủ và trung thực, gồm 14 trang.



- Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM kết thúc vào hồi 17 giờ 10 phút cùng ngày.

Thư ký đại hội



PHẠM THỊ THU PHƯƠNG





**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
**VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM**  
**2020 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông;  
HDQT – Công ty cổ phần Vinam.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vinam báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ Sản xuất kinh doanh (“SXKD”) năm 2020 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2021 cụ thể như sau:

- I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020:**  
**1. Tình hình SXKD năm 2020 của Công ty Cổ phần Vinam:**  
a) *Kết quả kinh doanh của công ty mẹ:*

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ 2020/2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.900.000.000	31.300.040.980	351,69%
Doanh thu tài chính	1.307.475.382	59.691.845.018	4.565,43%
Chi phí tài chính	1.430.000.000	6.263.524.738	438%
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	578.463.058	1.612.548.997	278,76%
Lợi nhuận trước thuế	3.809.909.733	64.554.952.934	1.694,40%
Lợi nhuận sau thuế	3.513.985.083	63.847.259.523	1.816,95%

*(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2020)*

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty tăng so với cùng kỳ năm trước là 1.816%, nguyên nhân là trong năm Công ty ghi nhận khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con chuyển về là 59,6 tỷ đồng.



b) *Kết quả kinh doanh hợp nhất:*

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ 2020/2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	211.655.389.914	60.110.249.544	28,40%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.311.920.613	421.824.699	32,15%
Chi phí tài chính	1.430.000.000	6.268.464.646	438,35%
Chi phí bán hàng	6.222.900.000	79.171.285	1,27%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.480.317.552	3.477.896.949	234,94%
Lợi nhuận trước thuế	47.089.185.658	32.341.715.441	68,68%
Lợi nhuận sau thuế	46.793.261.008	30.166.637.469	64,47%

*(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020)*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 đạt 60,11 tỷ đồng tương đương 28,40% so với năm 2019; Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 30,16 tỷ đồng tương đương với 64,47% so với năm 2019. Kết quả kinh doanh năm 2020 bị giảm mạnh do ảnh hưởng chung của nền kinh tế khi dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp.

c) *Tình hình thực hiện so với kế hoạch:*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu tài chính (BCTC hợp nhất)	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện Năm 2020	% Thực hiện/kế hoạch
Tổng doanh thu	550.000	60.110	10,93%
Giá vốn hàng bán	385.000	28.213	7,33%
Chi phí bán hàng	18.150	79	0,44%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.200	3.477	14,99%
Chi phí tài chính	8.800	6.268	71,23%
Chi phí khác	100	45	45,00%
Lợi nhuận trước thuế	114.750	32,341	28,18%
Lợi nhuận sau thuế	91.800	30,166	32,86%

*(Nguồn: Kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được DHDCD thường niên 2020 thông qua*

*Và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020)*

Kết quả kinh doanh năm 2020 chưa đạt so với kế hoạch đề ra: Doanh thu đạt 10,93%; Lợi nhuận sau thuế đạt 28,18%. Nguyên nhân là trong năm 2020 tình hình dịch bệnh Covid



đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung; mặt khác với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực thương mại về bán thiết bị máy móc nhập khẩu nên năm 2020 Công ty cũng gặp phải nhiều khó khăn.

## 2. Tình hình tài sản

### a) Tình hình tài sản tại Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>72.875.749.870</b>	<b>68.266.979.386</b>	<b>107%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.128.221.379	833.392.913	495%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.713	22.295.039.713	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	59.816.651.104	21.750.000.000	275%
4	Hàng tồn kho	8.827.707.660	23.367.924.475	38%
5	Tài sản ngắn hạn khác	103.130.014	20.622.285	500
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>56.475.665.865</b>	<b>12.353.382.030</b>	<b>457%</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Tài sản dở dang dài hạn	8.935.665.865	2.753.382.030	325%
3	Đầu tư tài chính dài hạn	47.540.000.000	9.600.000.000	495%
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>129.351.415.735</b>	<b>80.620.361.416</b>	<b>160%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2020)

Năm 2020 tình hình tài sản của công ty mẹ tăng nhẹ so với năm 2019, chủ yếu là tăng tài sản dài hạn, cụ thể là tăng các khoản đầu tư tài chính, góp vốn vào công ty con.

### b) Tình hình tài sản tại Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>151.743.952.076</b>	<b>152.735.322.873</b>	<b>99%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	16.095.781.216	4.776.186.934	337%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.589.713	72.295.589.713	14%



3	Các khoản phải thu ngắn hạn	102.327.882.558	35.192.123.410	291%
4	Hàng tồn kho	23.037.573.474	40.420.800.531	57%
5	Tài sản ngắn hạn khác	282.125.115	50.622.285	557%
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>10.188.448.216</b>	<b>2.755.187.764</b>	<b>370%</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Tài sản dở dang dài hạn	10.123.057.161	2.753.382.030	368%
3	Tài sản dài hạn khác	65.391.055	1.805.734	3.621%
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>161.932.400.292</b>	<b>155.490.510.637</b>	<b>104%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020)

Năm 2020 tình hình tài sản của công ty (hợp nhất) tăng 104% so với năm 2019, chủ yếu là tăng tài sản dở dang dài hạn và các khoản phải thu ngắn hạn.

### 3. Tình hình nợ phải trả

#### a) Tình hình nợ phải trả trên Báo cáo tài chính riêng

STT	Khoản mục	Số cuối năm (đồng)	Số đầu năm (đồng)	Tỷ lệ
1	Nợ ngắn hạn	1.899.342.779	515.547.983	368%
2	Nợ dài hạn	-	-	
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.899.342.779</b>	<b>515.547.983</b>	<b>368%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2020)

Tình hình nợ phải trả của công ty mẹ trong năm 2020 có sự biến động mạnh Nợ ngắn hạn: đầu năm là 515 triệu đồng cuối năm là 1,8 tỷ đồng tương đương với 368% so với năm 2019.

#### b) Tình hình nợ phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Khoản mục	Số cuối năm (đồng)	Số đầu năm (đồng)	Tỷ lệ
1	Nợ ngắn hạn	4.046.793.343	1.444.941.157	280%
2	Nợ dài hạn	3.125.300.000	13.041.900.000	24%
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>7.172.093.343</b>	<b>14.486.841.157</b>	<b>50%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019)

Tình hình nợ phải trả của công ty (hợp nhất) trong năm 2020 có sự biến động mạnh: đầu năm tổng nợ phải trả là 14,4 tỷ đồng, cuối năm giảm xuống còn 7,1 tỷ đồng, trong đó



chủ yếu là giảm khoản nợ dài hạn.

#### 4. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Ngày 01/06/2020, Công ty Cổ phần Vinam đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH thực phẩm chế biến Mitraco về việc hai bên cùng nhau hợp tác để vận hành hoạt động các dây chuyền giết mổ, chế biến thực phẩm tại Công ty TNHH thực phẩm chế biến Mitraco (gọi tắt là “Mitraco” là công ty con của Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh). Theo đó, Mitraco giao cho Vinam quản lý, vận hành các dây chuyền giết mổ, chế biến thực phẩm mà Mitraco đã đầu tư để Vinam thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh; Vinam đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị (nếu cần), bỏ vốn lưu động và toàn quyền lập kế hoạch sản xuất kinh doanh; Hai bên cùng nhau hợp tác kinh doanh trên cơ sở phát huy tài sản, máy móc thiết bị, thị trường và lợi thế của hai bên. Đến thời điểm hiện nay, Vinam đã thông qua công ty con là Công ty TNHH Vinam Vũng Áng tiến hành sản xuất các sản phẩm chế biến sẵn từ gà đông lạnh có xuất xứ từ Nhật Bản như gà hấp muối, gà sốt, cá sốt, ....

#### 5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã tập trung tái cơ cấu quản trị; thu hồi các khoản đầu tư không hiệu quả; bổ sung vốn lưu động cho hoạt động đầu tư dài hạn vào các lĩnh vực có tiềm năng. Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực xúc tiến mở rộng thị trường hoạt động, tìm kiếm các cơ hội đầu tư hiệu quả, từng bước đưa công ty ổn định và phát triển bền vững. Cùng với sự thay đổi về ban quản trị, điều hành, trong năm Công ty cũng đã hoàn thiện mô hình tổ chức cũng như nhân sự trong toàn công ty.

Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị chi phí. Các quy trình, quy chế về quản lý được rà soát, sửa đổi cho phù hợp với mô hình của Công ty ở từng thời điểm.

Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của toàn thể cán bộ, nhân viên trong công ty.

Ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

## II. Kế hoạch SXKD năm 2021

### 1. Một số chỉ tiêu về kế hoạch kinh doanh năm 2021

Trên cơ sở thực hiện các năm trước, Công ty dự kiến kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ KH 2021/TH 2020
1.	Tổng doanh thu	60.110	550.000	914,99%
2.	Giá vốn hàng bán	28.213	390.000	1.382,34%
3.	Chi phí bán hàng	79	21.000	26.582,28%



4.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.477	28.000	805,29%
5.	Chi phí tài chính	6.268	10.000	159,54%
6.	Chi phí khác	45	300	666,67%
7.	Lợi nhuận trước thuế	32.341	100.700	311,37%
8.	Lợi nhuận sau thuế	30.166	80.560	267,06%

## 2. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông: Tỷ lệ 20% trên tổng vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2021; Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm, thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án trả cổ tức cổ phiếu năm 2021 cho cổ đông tùy thuộc vào kết quả kinh doanh và nguồn vốn của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC;
- Lưu VP HĐQT.


  
**GIÁM ĐỐC**  
**NGUYỄN MẠNH CƯỜNG**



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Về Công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty CP Vinam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Vinam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/CVN/NQ-DHĐCD ngày 29/06/2020;
- Căn cứ tình hình SXKD năm 2020 của Công ty CP Vinam.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vinam báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) thường niên năm 2021 về công tác quản lý, giám sát Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh (“SXKD”) năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 như sau:

**I. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2020:**

a) *Kết quả kinh doanh của công ty mẹ:*

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ 2020/2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.900.000.000	31.300.040.980	351,69%
Doanh thu tài chính	1.307.475.382	59.691.845.018	4.565,43%
Chi phí tài chính	1.430.000.000	6.263.524.738	438%
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	578.463.058	1.612.548.997	278,76%
Lợi nhuận trước thuế	3.809.909.733	64.554.952.934	1.694,40%
Lợi nhuận sau thuế	3.513.985.083	63.847.259.523	1.816,95%

*(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2020)*

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty tăng so với cùng kỳ năm trước là 1.816%, nguyên nhân là trong năm Công ty ghi nhận khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con chuyển về là 59,6 tỷ đồng.

b) *Kết quả kinh doanh hợp nhất:*



Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ 2020/2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	211.655.389.914	60.110.249.544	28,40%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.311.920.613	421.824.699	32,15%
Chi phí tài chính	1.430.000.000	6.268.464.646	438,35%
Chi phí bán hàng	6.222.900.000	79.171.285	1,27%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.480.317.552	3.477.896.949	234,94%
Lợi nhuận trước thuế	47.089.185.658	32.341.715.441	68,68%
Lợi nhuận sau thuế	46.793.261.008	30.166.637.469	64,47%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 đạt 60,11 tỷ đồng tương đương 28,40% so với năm 2019; Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 30,16 tỷ đồng tương đương với 64,47% so với năm 2019. Kết quả kinh doanh năm 2020 bị giảm mạnh do ảnh hưởng chung của nền kinh tế khi dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp.

c) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu tài chính (BCTC hợp nhất)	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện Năm 2020	% Thực hiện/kế hoạch
Tổng doanh thu	550.000	60.110	10,93%
Giá vốn hàng bán	385.000	28.213	7,33%
Chi phí bán hàng	18.150	79	0,44%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.200	3.477	14,99%
Chi phí tài chính	8.800	6.268	71,23%
Chi phí khác	100	45	45,00%
Lợi nhuận trước thuế	114.750	32,341	28,18%
Lợi nhuận sau thuế	91.800	30,166	32,86%

(Nguồn: Kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được ĐHCĐ thường niên 2020 thông qua  
và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020)

Kết quả kinh doanh năm 2020 chưa đạt so với kế hoạch đề ra: Doanh thu đạt 10,93%; Lợi nhuận sau thuế đạt 28,18%. Nguyên nhân là trong năm 2020 tình hình dịch bệnh Covid đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung; mặt khác với



đặc thù hoạt động trong lĩnh vực thương mại về bán thiết bị máy móc nhập khẩu nên năm 2020 Công ty cũng gặp phải nhiều khó khăn.

## II. Thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT năm 2020 như sau:

- HĐQT thường xuyên cập nhật các báo cáo hoạt động SXKD, báo cáo tài chính năm 2020 sau kiểm toán, soát xét các báo cáo tài chính bán niên 2020, kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty.
- HĐQT thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT, đánh giá chung đã hoàn thành các yêu cầu đề ra.
- Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 40%) và chi trả cổ tức bằng tiền mặt (20%) theo đúng quyết định của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Trong năm 2020 HĐQT đã họp và ra một số nghị quyết như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	09.01.2020/NQHĐQT/CVN	09/01/2020	Thay đổi Kế toán trưởng Công ty	100%
02	1703/2020/NQHĐQT/CVN	17/03/2020	Gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
03	10.04/2020/QĐ/CVN	10/04/2020	Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 của Công ty TNHH Công trình và thiết bị kỹ thuật Miền Nam	100%
04	15.04/2020/QĐ/CVN	15/04/2020	Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 của Công ty TNHH nghiên cứu ứng dụng công nghệ y học	100%
05	1205/2020/NQHĐQT/CVN	12/05/2020	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
06	2005/2020/NQHĐQT/CVN	20/05/2020	Thông qua đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	100%
07	1806/2020/NQHĐQT/CVN	18/06/2020	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
08	2406/2020/NQHĐQT/CVN	24/06/2020	Thông qua báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành 5.000.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 32.500.000.000 đồng lên 82.500.000.000 đồng	100%
09	2506/2020/NQHĐQT/CVN	25/06/2020	Thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị để bầu bổ sung	100%

221740  
 ÔNG T  
 Ô PHÃ  
 INAI  
 PUNG



			tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	
10	0807/2020/NQHĐQT/CVN	08/07/2020	Lựa chọn đơn vị kiểm toán	100%
11	0907/2020/NQHĐQT/CVN	09/07/2020	Thành lập Công ty TNHH Vinam Vững Áng	100%
12	1607/2020/NQHĐQT/CVN	16/07/2020	Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Vinam Vững Áng	100%
13	27.07/2020/NQ-HĐQT	27/07/2020	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2019 và việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông hiện hữu	100%
14	03.08/2020/NQ-HĐQT	03/08/2020	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	100%
15	19.08/2020/QĐ-HĐQT	19/08/2020	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ	100%
16	1409/2020/NQHĐQT/CVN	14/09/2020	Thông qua hợp đồng, giao dịch với Công ty TNHH Vinam Vững Áng	100%
17	17.09/2020/QĐ-HĐQT	17/09/2020	Thông qua trình tự trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu riêng lẻ	100%
18	01.23.10/2020/NQ-HĐQT	23/10/2020	Thông qua một số nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phiếu của công ty	100%
19	02.23.10/2020/QĐ-HĐQT	23/10/2020	Thông qua giá chào bán cho nhà đầu tư trong đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ	100%
20	23.10/2020/NQ-HĐQT	23/10/2020	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	100%
21	17.11/2020/NQHĐQT/CVN	17/11/2020	Lấy ý kiến cổ đông bản văn bản	100%
22	19/11/2020/NQ-HĐQT	19/11/2020	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt	100%
23	08.12/2020/QĐ-HĐQT	08/12/2020	Thông qua giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ; điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết của đợt chào bán riêng lẻ	100%
24	14.12/2020/QĐ-HĐQT	14/12/2020	Thông qua việc các nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ đồng ý không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	100%



25	18.12/2020/ NQHĐQT/CVN	18/12/2020	Thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
----	------------------------	------------	--	------

### III. Thù lao của HĐQT

Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác: HĐQT, BKS được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy chế hoạt động của HĐQT, BKS. Theo kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua thì mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS như sau:

Thù lao Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/người/tháng

Thù lao Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng

Tuy nhiên, để cùng chia sẻ khó khăn với Công ty trong năm 2020, HĐQT và BKS thống nhất không nhận thù lao năm 2020

### IV. Kế hoạch SXKD năm 2021

Trên cơ sở thực hiện các năm trước, Công ty dự kiến kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

#### 1. Một số chỉ tiêu về kế hoạch kinh doanh năm 2021

Trên cơ sở thực hiện các năm trước, Công ty dự kiến kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ KH 2021/TH 2020
1.	Tổng doanh thu	60.110	550.000	914,99%
2.	Giá vốn hàng bán	28.213	390.000	1.382,34%
3.	Chi phí bán hàng	79	21.000	26.582,28%
4.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.477	28.000	805,29%
5.	Chi phí tài chính	6.268	10.000	159,54%
6.	Chi phí khác	45	300	666,67%
7.	Lợi nhuận trước thuế	32.341	100.700	311,37%
8.	Lợi nhuận sau thuế	30.166	80.560	267,06%

#### 2. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông: Tỷ lệ 20% trên tổng vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2021; Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm, thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án trả cổ tức cổ phiếu năm 2021 cho cổ đông tùy thuộc vào kết





quả kinh doanh và nguồn vốn của Công ty.

**3. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch kinh doanh:**

- HĐQT tiếp tục nghiên cứu định hướng phát triển Công ty theo nguyên tắc cân trọng, hiệu quả, tiếp tục theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện tái cấu trúc tài chính Công ty, trong đó tập trung vào việc cơ cấu nợ vay, giảm lãi xuất cho vay.
- Chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện giám sát thúc đẩy dự án hợp tác để vận hành hoạt động các dây chuyền giết mổ, chế biến thực phẩm tại Công ty TNHH thực phẩm chế biến Mitraco.
- Tiếp tục chỉ đạo Công ty thực hành tiết kiệm chống lãng phí, kiểm soát và giảm thiểu các chi phí để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trân trọng báo cáo./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu HC;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. CHỦ TỊCH**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
  
**TAKISHITA AKIRA**



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty CP Vinam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Vinam;
- Căn cứ vào quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Vinam.

Ban kiểm soát (“BKS”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) thường niên năm 2021 báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty CP Vinam năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

**A. Hoạt động và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2020:**

**1. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Nhân sự Ban kiểm soát:

- Bà Đào Thị Thanh: Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Hương: Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Hà: Thành viên Ban kiểm soát

Căn cứ theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế Ban kiểm soát và chương trình công tác đã được thông qua tại phiên họp ĐHĐCD Công ty. Ban kiểm soát đã tiến hành một số công tác chính sau đây:

- Giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCD, các quy định, quy chế của Công ty.
- Giám sát kiểm tra hoạt động kinh doanh, công tác tài chính kế toán của Công ty.
- Xem xét báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.
- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị, có ý kiến về những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

**2. Thù lao của BKS**

Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác: HĐQT, BKS được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHĐCD và quy chế hoạt động của HĐQT, BKS.

Thù lao Trưởng Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/người/tháng

Thù lao Thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng





Tuy nhiên, để cùng chia sẻ khó khăn với Công ty trong năm 2020, HĐQT và BKS thống nhất không nhận thù lao năm 2020.

**B. Đánh giá về hoạt động Công ty trong năm 2020:**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu tài chính (BCTC hợp nhất)	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện Năm 2020	% Thực hiện/kế hoạch
Tổng doanh thu	550.000	60.110	10,93%
Giá vốn hàng bán	385.000	28.213	7,33%
Chi phí bán hàng	18.150	79	0,44%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.200	3.477	14,99%
Chi phí tài chính	8.800	6.268	71,23%
Chi phí khác	100	45	45,00%
Lợi nhuận trước thuế	114.750	32.341	28,18%
Lợi nhuận sau thuế	91.800	30.166	32,86%

Kết quả kinh doanh năm 2020 chưa đạt so với kế hoạch đề ra: Doanh thu đạt 10,93%; Lợi nhuận sau thuế đạt 28,18%. Nguyên nhân là trong năm 2020 tình hình dịch bệnh Covid đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung; mặt khác với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực thương mại về bán thiết bị máy móc nhập khẩu nên năm 2020 Công ty cũng gặp phải nhiều khó khăn.

**C. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc**

- Công tác quản lý của HĐQT
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ các nội dung của Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đúng thẩm quyền theo Điều lệ Công ty, phù hợp với yêu cầu quản lý: trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (40%) và chi trả cổ tức bằng tiền mặt (20%) theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- HĐQT định hướng hoạt động SXKD của Công ty thông qua ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT tại các cuộc họp giao ban của Công ty.
- HĐQT giám sát hoạt động của Công ty thông qua công tác kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ thực hiện của Ban Giám đốc đối với nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định của Công ty.
- Công tác điều hành của Ban Giám đốc

101476  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
HÀ VIỆT  
CƠ SỞ - T



- Ban Giám đốc đã thực hiện công tác điều hành đúng thẩm quyền, tuân thủ quy chế điều hành, tuân thủ các quy định về phân cấp.
- Hoạt động điều hành của Ban Giám đốc luôn bám sát các mục tiêu, kế hoạch đã được phê duyệt, linh hoạt trong mọi chỉ đạo điều hành để hoàn thành mục tiêu đề ra.
- **Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Ban Giám đốc.**
- Ban kiểm soát được tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT nên về cơ bản đã nắm bắt kịp thời và đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động, SXKD của Công ty.

**D. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021:**

- Tiếp tục theo dõi, kiểm soát công tác quản lý, vận hành SXKD của Công ty trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Kiểm soát hoạt động của HĐQT Công ty, tham gia các cuộc họp của HĐQT và trực tiếp xem xét, thẩm định và có ý kiến đối với một số vấn đề cụ thể theo yêu cầu của các Cổ đông hoặc HĐQT.
- Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo thư mời.
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và năm.

Trên cơ sở kết quả công tác của Ban kiểm soát trong năm 2020, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thông qua báo cáo của Ban kiểm soát trong năm 2020 và xin tiếp thu ý kiến tham gia của quý vị cổ đông.

Ban kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của quý vị cổ đông và sự hợp tác của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty giúp Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trân trọng./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu HC;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**ĐÀO THỊ THANH**





**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

*(V/v: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 đã được kiểm toán; Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 115.499.940.000 đồng lên 197.999.940.000 đồng.)*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty CP Vinam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam, thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây viết tắt là “Luật Doanh nghiệp”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây viết tắt là “Luật Chứng khoán” và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam.

**1. Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng được kiểm toán của Công ty CP Vinam tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm các nội dung sau:**

- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Kết quả sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

*(Nội dung chi tiết theo Báo cáo tài chính kiểm toán đã được công bố tại website công ty:*

*<https://vinamgroup.com.vn/>)*

**2. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 115.499.940.000 đồng lên 197.999.940.000 đồng.**

Năm 2020, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược nhằm tăng vốn điều lệ. Trên cơ sở ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT về việc xây dựng kế hoạch chi tiết về việc sử dụng vốn, điều chỉnh số tiền sử dụng cho từng mục đích sử dụng để đảm bảo phù hợp tình hình kinh doanh thực tế. Ngày 29/03/2021 Công ty đã có Báo cáo thay đổi phương án chi tiết sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 06/04/2021, Công ty đã nhận được Công văn số 1308/UBCK-QLCB chấp thuận thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Công ty.

Theo đó, Công ty đã thực hiện lập Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành riêng lẻ theo đúng quy định. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ Công ty thông qua báo cáo



tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 115.499.940.000 đồng lên 197.999.940.000 đồng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm và định giá ASCO.

*(Nội dung chi tiết Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn đã được đăng tải tại website công ty: <https://vinamgroup.com.vn/>)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu HC;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**





Số: 05/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, Ngày 09 tháng 06 năm 2021

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán, soát xét các BCTC năm 2021.)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty CP Vinam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây viết tắt là “Luật Doanh nghiệp”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây viết tắt là “Luật Chứng khoán” và các văn bản hướng dẫn thi hành);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam.

Thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

**1. Các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:**

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập;

- Có kinh nghiệm kiểm toán;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được nhu cầu của Công ty cổ phần Vinam về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các

văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

**2. Đề xuất của Hội đồng quản trị**

- Kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện lựa chọn một trong các công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập và đáp ứng các tiêu chí khác đã được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC;
- Lưu VP HĐQT.





**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2020; Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty CP Vinam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây viết tắt là “Luật Doanh nghiệp”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây viết tắt là “Luật Chứng khoán” và các văn bản hướng dẫn thi hành);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Vinam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

**1. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty cổ phần Vinam đã được kiểm toán là: 30.166.637.469 đồng (Ba mươi tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi chín đồng).

Trong khi dịch bệnh vẫn đang tác động tiêu cực đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế trong năm 2020, năm 2021 và nhu cầu nguồn lực tài chính để đầu tư vào các hạng mục dự án đang triển khai, do đó HĐQT đề nghị phương án giữ lại toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2020 (không thực hiện phân chia các quỹ, không chi trả cổ tức năm 2020) để dự phòng và nâng cao năng lực tài chính cho Công ty.

**2. Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021**

Theo kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua thì mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS như sau:

STT	Chức vụ	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	5.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	3.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	
1	Trưởng ban kiểm soát	3.000.000
2	Thành viên ban kiểm soát	2.000.000



Tuy nhiên, để cùng chia sẻ khó khăn với Công ty trong năm 2020, HĐQT và BKS thống nhất không nhận thù lao năm 2020.

Thù lao HĐQT, BKS của năm 2021 sẽ được HĐQT trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 dựa vào kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VINAM  
HÀNG  
TAKISHITA AKIRA



Số: 07/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, Ngày 09 tháng 06 năm 2021

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

V/v: Thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở chính và bổ sung chi tiết ngành, nghề kinh doanh mã ngành 8620

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty CP Vinam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây viết tắt là “Luật Doanh nghiệp”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (viết tắt là “Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam;
- Căn cứ vào nhu cầu và tình hình thực tế.

1. **Thay đổi trụ sở chính của Công ty:** Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở Công ty như sau:

- **Trụ sở chính hiện tại của Công ty:** Tầng 6, tòa nhà VTC online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243.5626614

- **Trụ sở chính mới của Công ty:** Phòng số 302 tầng 3 toà tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ học viện quốc phòng, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Tp Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243.6343085

2. **Bổ sung chi tiết ngành, nghề kinh doanh:** Căn cứ tình hình kinh doanh thực tế hiện nay của Công ty Cổ phần Vinam, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Vinam như sau:

Ngành, nghề hiện có	Mã ngành	Chi tiết ngành, nghề dự định bổ sung	Mã ngành
Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: - Hoạt động của các phòng khám đa khoa (không kinh doanh tại trụ sở)	8620	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: - Hoạt động của các phòng khám đa khoa (không kinh doanh tại trụ sở) - Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh - Chuyên khoa xét nghiệm ( trừ lưu trú bệnh nhân)	8620



**3. Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:**

- Xem xét, quyết định thời điểm thay đổi và các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành nhằm thực hiện việc thay đổi trụ sở chính và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh của công ty.
- Sửa đổi Điều lệ công ty và:
  - ✓ Cập nhật nội dung liên quan đến việc thay đổi địa điểm trụ sở chính và ngành nghề kinh doanh vào Điều lệ công ty phù hợp quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
  - ✓ Liên hệ thay đổi giấy phép đăng ký doanh nghiệp và các thủ tục liên quan pháp nhân của công ty với các cơ quan nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT



Số: 08/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, Ngày 09 tháng 06 năm 2021

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

V/v: Thông qua việc thành lập Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty CP Vinam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây viết tắt là “Luật Doanh nghiệp”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây viết tắt là “Luật Chứng khoán” và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vinam;
- Căn cứ vào nhu cầu và tình hình thực tế.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT đáp ứng mục tiêu tuân thủ tốt các quy định pháp luật về quản trị công ty; đồng thời trên cơ sở Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2019/NĐ-CP (“Nghị định số 05”) về kiểm toán nội bộ, áp dụng cho nhiều loại hình doanh nghiệp. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ chấp thuận cho HĐQT thành lập Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT như sau:

1. ĐHĐCĐ thông qua việc thành lập Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.
2. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cơ cấu tổ chức nhân sự; quy chế hoạt động và các vấn đề khác liên quan việc thành lập và hoạt động của Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT tại mục 1 tờ trình này tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**VINAM**  
**TAKISHITA AKIRA**





**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

V/v: Thông qua toàn văn Điều lệ và các Quy chế quản trị về nội bộ công ty Cổ phần Vinam.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty CP Vinam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây viết tắt là “Luật Doanh nghiệp”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây viết tắt là “Luật Chứng khoán” và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và tình hình thực tế.

Trên cơ sở các Mẫu văn bản hướng dẫn ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và thực tế hoạt động của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo, phối hợp với Ban kiểm soát chỉ đạo triển khai nghiên cứu, xây dựng các dự thảo Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Các dự thảo toàn văn đã được công bố thông tin và đăng tải trên trang thông tin của Công ty theo quy định để các cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua tại cuộc họp này. (Chi tiết dự thảo đính kèm theo tờ trình này)

Để đảm bảo việc tổ chức và hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định hiện hành, tăng cường tính minh bạch, hiệu quả, chuyên nghiệp trong hoạt động quản trị và phù hợp với các quy định của cơ quan quản lý. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét:

1. **Thông qua toàn văn Điều lệ Công ty** (chi tiết theo dự thảo Điều lệ đính kèm Tờ trình này). Điều lệ mới sẽ có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thay thế cho Điều lệ hiện hành và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung;  
Giao Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện rà soát, hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới của Công ty.
2. **Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty** (chi tiết theo dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty đính kèm Tờ trình này) Quy chế quản trị nội bộ của Công ty sẽ có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thay thế cho Quy chế quản trị nội bộ của Công ty hiện hành và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung;
3. **Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị** (chi tiết theo dự thảo Quy chế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm Tờ trình này). Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành và

các Phụ lục sửa đổi, bổ sung.

4. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (chi tiết theo dự thảo Quy chế Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm Tờ trình này). Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sẽ có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thay thế cho Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hiện hành và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

*Hà Nội, tháng 06 năm 2021*

---

---

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	5
Điều 1. Định nghĩa .....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động .....	13
IV. VỐN ĐIỀU LỆ .....	13
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	13
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	14
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	15
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	15
Điều 10. Thu hồi cổ phần .....	15
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT .....	16
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý .....	16
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	16
Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông .....	16
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông .....	17
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 17. Thay đổi các quyền .....	21
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	23
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	25
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	26



Điều 23.	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 24.	Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
<b>VII.</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>28</b>
Điều 25.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 26.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 27.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	30
Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho công ty.....		32
Điều 28.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 29.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	32
Điều 30.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 31.	Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	36
<b>VIII.</b>	<b>GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ CÔNG TY VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>36</b>
Điều 32.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	36
Điều 33.	Người điều hành Công ty.....	36
Điều 34.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	37
Điều 35.	Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty.....	38
<b>IX.</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>39</b>
Điều 36.	Thành phần Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên).....	39
Điều 37.	Trưởng Ban kiểm soát.....	39
Điều 38.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	40
Điều 39.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	40
Điều 40.	Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	41
Điều 41.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	41
Điều 42.	Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	41
Điều 43.	Thành phần Ủy ban Kiểm toán.....	42
Điều 44.	Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	42
Điều 45.	Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	42
Điều 46.	Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	43
<b>X.</b>	<b>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>43</b>

Điều 47.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	43
Điều 48.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	44
XI.	<b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b> .....	45
Điều 49.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	45
XII.	<b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b> .....	46
Điều 50.	Công nhân viên và công đoàn .....	46
XIII.	<b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</b> .....	46
Điều 51.	Phân phối lợi nhuận.....	46
XIV.	<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	47
Điều 52.	Tài khoản ngân hàng .....	47
Điều 53.	Năm tài chính.....	47
Điều 54.	Chế độ kế toán.....	47
XV.	<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b> .....	47
Điều 55.	Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý .....	47
Điều 56.	Báo cáo thường niên .....	48
XVI.	<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY</b> .....	48
Điều 57.	Kiểm toán .....	48
XVII.	<b>CON DẤU</b> .....	48
Điều 58.	Dấu của doanh nghiệp.....	48
XVIII.	<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b> .....	48
Điều 59.	Giải thể công ty .....	48
Điều 60.	Gia hạn hoạt động.....	49
Điều 61.	Thanh lý.....	49
XIX.	<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b> .....	50
Điều 62.	Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	50
XX.	<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b> .....	50
Điều 63.	Điều lệ công ty .....	50
XXI.	<b>NGÀY HIỆU LỰC</b> .....	50
Điều 64.	Ngày hiệu lực.....	50



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021. Điều lệ này thay thế cho toàn bộ các bản Điều lệ, Phụ lục Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước ngày 30/06/2021.

## I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Định nghĩa

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
  - b. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020.
  - c. “Ngày thành lập” là ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
  - d. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ này.
  - e. “Người điều hành khác” là những người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trừ các vị trí/chức danh thuộc Ban/tiểu Ban giúp việc cho Hội đồng quản trị.
  - f. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.
  - g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019 và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.
  - h. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua bằng nghị quyết.
  - i. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
  - j. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty.
  - k. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
1. Công ty là CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các cụm từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.



## II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

- Tên Công ty
  - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
  - Tên tiếng Anh: Vinam Joint Stock
  - Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
  - Tên viết tắt: VINAM., JSC.
- Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam
- Trụ sở đăng ký của Công ty là:
  - Địa chỉ Tầng 6, tòa nhà VTC online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
  - Điện thoại: 0243.562.6614 Fax : 0243.562.6613
  - Website: <https://vinamgroup.com.vn/>
- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
- Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 (một) người đại diện pháp luật. Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật của Công ty.

## III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;	7110 (chính)



2.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn đầu tư cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.	6619
3.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: vận chuyển hành khách theo đường bộ	4932
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu	8299
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng; thiết bị phục vụ ngành xây dựng.	4663
6.	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: khai thác mỏ	0899
7.	Hoạt động vui chơi khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ vui chơi, giải trí (trừ loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm)	9329
8.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động bảo vệ môi trường	7490
9.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
10.	Khai thác và thu gom than non	0520
11.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
12.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13.	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón	0891
14.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
15.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
16.	Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm)	3812
17.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
18.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
19.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

20.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng;	4632
21.	Bán buôn đồ uống;	4633
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4771
28.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
29.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
30.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
31.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
32.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
33.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội bộ	5022
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
36.	Xây dựng công trình thủy	4291
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
38.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810
39.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
40.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
41.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820



42.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
43.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
44.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
45.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác rừng (trừ lâm sản Nhà nước cấm)	0231
46.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
47.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý, môi giới hàng hóa;	4610
48.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
49.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Phòng khám đa khoa (không kinh doanh tại trụ sở)	8620
50.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
51.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
52.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;	4772
53.	Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải	4652
54.	Buôn bán vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;	4641
55.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất	2392
56.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5510

57.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;	7990
58.	Lập trình máy vi tính	6201
59.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
60.	Dịch vụ liên quan đến in Chi tiết: In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ lĩnh vực Nhà nước cấm);	1812
61.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính Chi tiết: sản xuất, lắp ráp máy tính, các thiết bị viễn thông;	2620
62.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
63.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet - Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu.	6190
64.	Quảng cáo	7310
65.	Sản xuất linh kiện điện tử Chi tiết: Sản xuất linh kiện, thiết bị dân dụng	2610
66.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
67.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
68.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
69.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
70.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
71.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm)	3822
72.	Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm)	3830
73.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
74.	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;	2100
75.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bog và chế phẩm vệ sinh	2023



76.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
77.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;	2592
78.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
79.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
80.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ điều hòa	4759
81.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ máy phát điện	4773
82.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
83.	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
84.	Sản xuất rượu vang	1102
85.	Sản xuất bia và mạch nha ù men bia	1103
86.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
87.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
88.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
89.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
90.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
91.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
92.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
93.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
94.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
95.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
96.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
97.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
98.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	3530

99.	Xây dựng nhà để ở	4101
100	Xây dựng nhà không để ở	4102
101	Xây dựng công trình đường sắt	4211
102	Xây dựng công trình đường bộ	4212
103	Xây dựng công trình điện	4221
104	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
105	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
106	Xây dựng công trình công ích khác	4229
107	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
108	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
109	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
110	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
111	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
112	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
113	Chuyển phát	5320
114	Cơ sở lưu trú khác	5590
115	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
116	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
117	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
118	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
119	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
120	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
121	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
122	Cho thuê xe có động cơ	7710
123	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
124	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810



	Chi tiết: hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	-
125	Cung ứng lao động tạm thời	7820
126	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
127	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
128	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
129	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
130	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
131	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
132	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

**2. Mục tiêu hoạt động của công ty:**

- a. Xây dựng, phát triển Công ty thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành, có tiềm lực tài chính và trình độ kỹ thuật - Công nghệ tiên tiến đáp ứng yêu cầu đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kho bãi.
- b. Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty cho các cổ đông, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

**Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**IV. VỐN ĐIỀU LỆ**

**Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **197.999.940.000 VNĐ** (Một trăm chín mươi bảy tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).



Tổng vốn điều lệ của Công ty được chia thành 19.799.994 cổ phần (Mười chín triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi tư cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/một cổ phần).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm Điều lệ này. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp để cổ đông đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Trừ các trường hợp việc phân phối cổ phiếu này thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật, Hội đồng quản trị thực hiện phân phối số cổ phiếu này cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định (trừ trường hợp chào bán cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ sở hữu của họ trong công ty) phải bảo đảm điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu. Người



sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng nhận cổ phiếu, chứng nhận cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
  - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
  - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của Đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc thanh toán không đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán tại Khoản 1 Điều này phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại Khoản 4, 5, 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.



5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán, Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một lần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa tùy thuộc vào điều kiện tình hình thực tế;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
  - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;



- i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
  - a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Khoản 2 Điều 38 của Điều lệ này;
  - b. Yêu cầu thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
  - d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
  - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị/Giám đốc làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
- 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;



- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
- 7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính hàng năm. Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.
  - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
  - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
  - e. Số lượng Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường;



- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, e Khoản 3 Điều này.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- d. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
  - b. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
  - e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
  - f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
  - d. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
  - e. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;



- h. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - i. Tổ chức và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
  - j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - k. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên Tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - l. Công ty mua lại hơn 10% (mười phần trăm) một loại cổ phần phát hành;
  - m. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) Tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
  - n. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của Hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cổ đông, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức trực tiếp tham dự họp và/hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác trực tiếp dự họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình và nộp lại văn bản ủy quyền (bản gốc) tại thời điểm kiểm tra và đăng ký cổ đông
- 3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện ủy quyền;



Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền để được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ nhưng phải đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
  - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.



- d. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
  - e. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
  - f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (*hai mươi mốt*) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b. Phiếu biểu quyết/(Mẫu) Phiếu biểu quyết;
  - c. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (*ba*) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (*hai*) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
  - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc Hội đồng quản trị xét thấy không phù hợp với tình hình thực tiễn.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**
- 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (*năm mươi phần trăm*) tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
  - 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (*ba mươi*) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời



hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trong trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

**Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông/đại diện được ủy quyền của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội:
  - a. Đối với các nội dung thông qua bằng việc giơ thẻ biểu quyết: Cổ đông sẽ thực hiện việc giơ thẻ biểu quyết để biểu quyết “Tán thành”, hoặc “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến” với những nội dung biểu quyết khi Chủ tọa Đại hội yêu cầu biểu quyết bằng phương thức giơ thẻ biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách kiểm tra thẻ biểu quyết tán thành, sau đó kiểm tra thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp. Kết quả kiểm thẻ biểu quyết sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố tại Đại hội sau khi kết thúc phần kiểm thẻ cho từng nội dung.
  - b. Đối với các nội dung thông qua bằng việc bỏ phiếu biểu quyết: Trên Phiếu biểu quyết sẽ in đầy đủ những nội dung cần biểu quyết. Tương ứng với mỗi nội dung cần biểu quyết có 03 (ba) phương án biểu quyết là “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”. Khi Chủ tọa yêu cầu cổ đông biểu quyết, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đánh dấu vào phương án lựa chọn, ký, ghi rõ họ tên và bỏ phiếu đã biểu quyết vào thùng phiếu. Phiếu biểu quyết sẽ được Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu trước khi kết thúc Đại hội, trừ trường hợp Đại hội quyết định khác.
4. Trong trường hợp tổ chức Đại hội theo hình thức trực tuyến, Đại hội biểu quyết theo phương thức điện tử, các quy định về biểu quyết theo phương thức điện tử cũng như các thông tin về sử dụng, tính hợp lệ và các thông tin khác về thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



5. Cổ đông đến dự đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
6. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
  - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
  - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
  - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
7. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
11. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
  - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của



cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

12. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
  - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội khi xác định địa điểm đại hội có thể:
  - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
  - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;  
Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
15. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
  - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
  - đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (*năm mươi phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.



**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
5. Phiếu lấy ý kiến được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
  - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
  - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;



- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - f. Họ, tên chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.  
Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
  8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

**Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;



- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
  4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng



cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ chuyên môn;
  - c. Quá trình công tác;
  - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - f. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

Trình tự, thủ tục bầu cử Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

#### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 (ba) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.



2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm.
  3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
    - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
    - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
    - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
    - d. Có hành vi gian dối trong việc cung cấp thông tin cá nhân gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
    - e. Các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
  4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
    - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
    - b. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
    - c. Các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
  5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.
  6. Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật.
  7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
- Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**
1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
  2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và người điều hành khác.
  3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
    - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
    - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
    - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký Hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và các vị trí/chức danh thuộc Ban/tiểu Ban giúp việc cho Hội đồng quản trị; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Giám đốc, người điều hành khác và các vị trí/chức danh thuộc Ban/tiểu Ban giúp việc cho Hội đồng quản trị; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.



- d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.
  - e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
  - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
  - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - i. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - j. Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty
  - k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
  - l. Trình báo cáo tài chính hằng năm của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
  - m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp pháp luật quy định phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, đầu tư công ty và liên doanh);
  - d. Chỉ định và bãi miễn những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - h. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) cổ phần đã bán mỗi loại;
  - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
  - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.



5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho công ty.

#### **Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chi cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.



5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng định kỳ ít nhất mỗi quý phải họp 01 (một) lần.
3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng. Khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người điều hành khác;
  - b. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên của Hội đồng quản trị;
  - c. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước khi tổ chức họp hoặc



thời gian khác ngắn hơn theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết và/hoặc vì lợi ích của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản trong trường hợp việc triệu tập vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của từng thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (*ba phần tư*) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp không có đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Biểu quyết.
  - a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
  - c. Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Điều này, khi có phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên được Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng. Trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, b Khoản 9 Điều này của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét để ký kết Hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị



được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tham dự họp với tỷ lệ biểu quyết đa số (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
  - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.
14. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian, địa điểm họp;
  - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;



- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 15 Điều này.
15. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 14 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
  16. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
  17. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

**Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ban/tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các Ban/tiểu ban khác phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty và quy định pháp luật (nếu có). Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị, quy định pháp luật (nếu có). Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

**VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC, THƯ KÝ CÔNG TY VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có 01 (một) Giám đốc và Phó Giám đốc (nếu có) và 01 (một) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

**Điều 33. Người điều hành Công ty**

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.



2. Mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

**Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc**

1. **Bổ nhiệm:** Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị (với điều kiện thành viên đó không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị) hoặc thuê một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. **Nhiệm kỳ:** Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Giám đốc điều hành không quá 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động. Giám đốc hoặc Giám đốc điều hành không được phép là những người được pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. **Quyền hạn và nhiệm vụ:** Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
  - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
  - c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của những người điều hành doanh nghiệp;
  - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - e. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm.
  - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.
  - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.



- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.
- 4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông, Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

**Điều 35. Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty**

**1. Thư ký Công ty:**

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Tham dự các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**2. Người phụ trách quản trị Công ty:**

- a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 (năm) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký Công ty quy định tại Khoản 1 Điều này.
- b. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
- c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với quy định pháp luật hiện hành về lao động.
- d. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - i. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;



- ii. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- iii. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- iv. Tham dự các cuộc họp;
- v. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với pháp luật;
- vi. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- vii. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- viii. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- ix. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- x. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Số lượng Kiểm soát viên của công ty là 03 (ba) người.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
  - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
  - c. Các Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.
3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;
  - b. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
  - c. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính/địa chỉ đăng ký của Công ty và được chấp thuận;
  - d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;
  - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải bầu 01 (một) thành viên làm Trưởng ban; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở



Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát.
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40 đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ trên 50% trở lên được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.

Trình tự, thủ tục bầu cử Ban kiểm soát được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công ty.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

2. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

#### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;



6. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán;
7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
8. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
9. Các quy định về trách nhiệm cẩn trọng, trách nhiệm trung thực và các xung đột về quyền lợi của Ban kiểm soát được quy định như Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác tại Điều lệ này.

**Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

**Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán**

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.



#### **Điều 43. Thành phần Ủy ban Kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

#### **Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
  - a. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
  - b. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
  - c. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
  - d. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
  - e. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
  - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

#### **Điều 45. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban



kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

**Điều 46. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
  - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
  - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
  - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
  - f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
  - g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông;
  - h. Các nội dung khác (nếu có).

**X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là lợi ích cao nhất của công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

**Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân;



đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch hoặc vì những phiếu biểu quyết của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% (*hai mươi phần trăm*) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhưng yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện Hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (*hai mươi phần trăm*) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành doanh nghiệp hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
  - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.  
Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 48. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự



mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (Trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
  - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
  - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc mà trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 49. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được điều tra trong giờ làm việc tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty trong danh sách cổ đông. Các biên bản Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.



3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là tất cả các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên Website của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 50. Công nhân viên và công đoàn**

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành doanh nghiệp và người lao động;
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

### **Điều 51. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những



người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

##### **Điều 52. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết. Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

##### **Điều 53. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 (*một*) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 (*mười hai*) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy phép kinh doanh) đó.

##### **Điều 54. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

##### **Điều 55. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố báo cáo sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

**Điều 56. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

**Điều 57. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chi định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. CON DẤU**

**Điều 58. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

**Điều 59. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:



- a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
  - d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 60. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

#### **Điều 61. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c. Nợ thuế;
  - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.



## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
  - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành doanh nghiệp khác.
  - c. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật;Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 63. Điều lệ công ty**

1. Việc bổ sung và sửa đổi điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 64. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 64 điều được Đại hội đồng cổ đông CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM nhất trí thông qua ngày 30/06/2021.
2. Đối với những nội dung tại Điều lệ này khác với quy định pháp luật nhưng không trái quy định pháp luật thì áp dụng quy định tại Điều lệ này.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, được lưu trữ tại Văn phòng Công ty.



4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**GIÁM ĐỐC**  
  
**NGUYỄN MẠNH CƯỜNG**



**PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY**

*(Đính kèm cùng Điều lệ CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 30/06/2021)*

<b>TT</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức</b>	<b>Số giấy CMND/Hộ chiếu đối với cá nhân, MSDN đối với</b>
<b>1</b>	Phạm Anh Thế	Số 10 ngõ 183 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	011845411
<b>2</b>	Nguyễn Văn Anh	Xóm 15, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	182110843
<b>3</b>	Trần Văn Thông	Xóm 2, Mễ Trì Hạ, xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Hà Nội	010494950
<b>4</b>	Trần Quốc Việt	Khối Tân Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	182110273



**QUY CHẾ NỘI BỘ  
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số: 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)



*Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2021*



**CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

**CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 2. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được thành lập nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường;
  - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
  - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
  - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
  - d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
  - e) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
  - j) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
  - k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - n) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
  - o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
  - p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế



hoạt động Ban kiểm soát;

- s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 4. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
  - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

**Điều 5. Thay đổi các quyền**

- 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không



có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 6. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). ~~Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử~~



của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - c) Phiếu biểu quyết;
  - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
  - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
  - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 7. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 8. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:



- a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
  - b) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa



chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
  - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 9. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
  - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
  - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
  3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

### **Điều 10. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.



## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

4. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
  - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e) Các vấn đề đã được thông qua;
  - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

---

### Điều 11. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

---



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 12. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp



sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

### **CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 13. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố gồm các nội dung sau đây:
  - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - f) Các thông tin khác (nếu có);
  - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 14. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**



## ***QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY***

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - b) Có đơn từ chức;
  - c) Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện;
  - d) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - e) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - f) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - g) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
  - h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 15. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

- pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
  - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
  - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 16. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.
- 3. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng



thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 17. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 18. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**



## ***QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY***

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
4. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị
5. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
7. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
9. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
10. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
11. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
12. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. ~~Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp~~



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

13. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
14. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
15. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
16. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 19. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 20. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
  - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d) Tham dự các cuộc họp;
  - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
  - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
  - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
  - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **CHƯƠNG IV: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 21. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

### **Điều 22. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
  - g) Tuyển dụng lao động;
  - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

## **CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 25. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - d) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 26. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
  - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 28. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 29. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 30. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán**

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

### **Điều 31. Thành phần Ủy ban Kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;
  - c) Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

### **Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán**

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;





## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề
5. xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;
6. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

### **Điều 33. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

### **Điều 34. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
  - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
  - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tài chính của Công ty;
  - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
  - f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác;
  - g) ~~Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông;~~



- h) Các nội dung khác (nếu có).

## **CHƯƠNG VI: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 35. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 36. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG VII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 37. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:
  - a) Cổ đông với Công ty;
  - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;
  - c) Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể



## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

### **CHƯƠNG VIII: HIỆU LỰC THI HÀNH**

#### **Điều 38. Ngày hiệu lực**

1. Bản Quy chế này gồm 08 chương 38 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinam thông qua ngày 30 tháng 06 năm 2021 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
2. Quy chế này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau.

Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.





**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số: 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021 của Đại  
hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

*Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2021*





**Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**2. Đối tượng áp dụng:**

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc (nếu có), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
  - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
  - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
  - đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm,



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (*một phần ba*) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (*sáu mươi*) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - k) Giám sát, chi đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh,



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

### **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và triệu tập đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

### **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## **Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian, địa điểm họp;
  - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
  3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
  4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
  5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 18. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

### **Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

### **Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2021.





**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số: 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021 của Đại  
hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

*Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2021*



## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

#### Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

## Chương II

### THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

#### Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

### **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động





## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
  - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
  - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
  - c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## **Chương IV**

### **CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong 01 (một) năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## **Chương V**

### **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

#### **Điều 16. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

### **Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.



## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### Chương VI

#### MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

##### Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

##### Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

##### Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

### Chương VII

#### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

##### Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vinam bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2021.





Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

*V/v: Thông qua hủy phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tổ chức ngày 29/06/2020 và thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021*

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Vinam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây viết tắt là "Luật Doanh nghiệp");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây viết tắt là "Luật Chứng khoán" và các văn bản hướng dẫn thi hành);
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinam;
- Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/CVN/NQ-DHDCĐ ngày 29/06/2020;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- Xét tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Hủy phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tổ chức ngày 29/06/2020. Cụ thể như sau:

Ngày 23/10/2020, Công ty Cổ phần Vinam đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 10/11/2020, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 6701/UBCK-QLCB ngày 10/11/2020 về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của CVN, yêu cầu giải trình, bổ sung hồ sơ. Tuy nhiên, Công ty chưa kịp chuẩn bị các tài liệu theo yêu cầu của UBCKNN nên hiện tại phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 chưa được thực hiện.

Ngoài ra, do các quy định của pháp luật hiện hành (Luật Chứng khoán; Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan,...); kế hoạch kinh doanh và nhu cầu về vốn phục vụ hoạt động kinh doanh thực tế hiện nay có nhiều sự thay đổi. Vì vậy, phương án phát hành cổ phiếu





cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 không còn phù hợp và cần hủy bỏ.

2. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021  
(Phương án phát hành đính kèm)

*Trân trọng./.*

*Nơi nhận:*

- Cổ đông công ty;
- Lưu VT, HĐQT, BKS.





**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH  
CỔ PHIẾU TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2021**

*(Kèm theo Tờ trình số 10/2021/TTr-HĐQT ngày 09 tháng 06 năm 2021)*

Hà Nội, tháng 06/2021



**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**  
(Kèm theo Tờ trình số 10/2021/TTr-HĐQT ngày 09 tháng 06 năm 2021)

**I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TRƯỚC PHÁT HÀNH**

Tên gọi: Công ty Cổ phần Vinam

Tên giao dịch quốc tế: Vinam Joint Stock Company

Tên viết tắt: Vinam., JSC

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

Điện thoại: 0243 562 6614

Vốn điều lệ hiện tại: 197.999.940.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Số lượng cổ phần đã phát hành tính đến thời điểm hiện tại: 19.799.994 cổ phần.

Số lượng cổ phần đang lưu hành tính đến thời điểm hiện tại: 19.799.994 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

**II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH**

**1. Phương án phát hành**

- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinam.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
- Số lượng phát hành: 9.899.997 cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá): 98.999.970.000 đồng (Chín mươi tám tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 296.999.910.000 đồng (Hai trăm chín mươi sáu tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm mười nghìn đồng).
- Hình thức phát hành: Chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần: 2:1, điều đó có nghĩa: Tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phần tương ứng với 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần phát hành thêm.
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình hoặc từ chối quyền mua. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).



- **Giá chào bán dự kiến:** 10.000 đồng/cổ phần
- **Tổng khối lượng vốn dự kiến huy động từ đợt phát hành:** 98.999.970.000 đồng (Chín mươi tám tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)
- **Điều kiện về hạn chế chuyển nhượng:** Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng
- **Phương án làm tròn:** Đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị
- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua (cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết):**
  - + Toàn bộ số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết và số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có), Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020.
  - + Số cổ phần không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua và số cổ phiếu lẻ (nếu có) được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
  - + Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
- **Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán**

Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu đối với đợt phát hành cổ phiếu là 70% số lượng chào bán. Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ huy động nguồn vốn vay ngân hàng, các tổ chức tài chính hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp. Trong trường hợp tỷ lệ chào bán thành công của đợt phát hành không đạt 70%, thì đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ bị hủy bỏ nếu pháp luật quy định. Trong trường hợp đợt phát hành bắt buộc bị hủy bỏ theo quy định của pháp luật thì tổ chức phát hành sẽ hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ và ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng quy trình hủy bỏ (nếu có) và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật.

- **Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.**  
Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua.

Tỷ lệ chào bán: tương đương tỷ lệ 2:1, điều đó có nghĩa: Tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phần tương ứng với 01 quyền mua, cứ 2 quyền mua sẽ được mua 1 cổ phần phát hành thêm.

Do đó, nếu 100% cổ đông đăng ký mua cổ phần theo tỷ lệ chào bán thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty. Trường hợp phát sinh cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành lựa chọn đối tượng phân phối phù hợp đảm bảo quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty.



- Phương pháp xác định giá chào bán

**Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020**

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán:

Chỉ tiêu	Khoản mục	Giá trị (đồng VN)
Vốn chủ sở hữu	(1)	154.760.306.949
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(2)	179.891.120
Số cổ phần đã phát hành	(3)	11.549.994
Số cổ phiếu quỹ	(4)	0
Số cổ phần đang lưu hành	(5)	11.549.994

$$\begin{aligned}
 & \text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020} - \text{Lợi ích của cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} \\
 & = \frac{154.760.306.949 - 179.891.120}{11.549.994} = 13.384 \text{ đồng/cổ phần}
 \end{aligned}$$

**Giá trị thị trường (giá bình quân của 16 phiên gần nhất tính đến ngày 08/06/2021): 9.031 đồng/cổ phần**

*Đơn vị tính: Đồng/cổ phần*

Ngày	Giá đóng cửa	Ngày	Giá đóng cửa
08/06/2021	8.900	27/05/2021	8.800
07/06/2021	9.000	26/05/2021	8.900
04/06/2021	9.100	25/05/2021	9.100
03/06/2021	9.100	24/05/2021	9.200
02/06/2021	9.000	21/05/2021	9.100
01/06/2021	9.000	20/05/2021	9.000
31/05/2021	9.000	19/05/2021	9.300
28/05/2021	8.700	18/05/2021	9.300

$$\text{P bình quân} = 9.031 \text{ đồng/cổ phần}$$



### **Căn cứ đề xuất mức giá phát hành:**

Đợt phát hành cổ phiếu của CVN được chào bán cho cổ đông hiện hữu. Do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn của CVN, giá thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu CVN được tính toán, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá sau khi phát hành nên giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là 10.000 đồng/cổ phiếu, bằng 74,72% giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 và bằng 110,73% giá trị thị trường.

#### **- Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu do ảnh hưởng của việc phát hành thêm**

##### **❖ Mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau khi chào bán**

Tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá tham chiếu của cổ phiếu CVN sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (I \times PR)}{1 + I}$$

$P_{pl}$ : là giá tham chiếu điều chỉnh trong Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

$P_t$ : là giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

$I$ : là tỷ lệ vốn tăng trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu: được tính = 9.899.997 cổ phần phát hành thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu/19.799.994 cổ phần đang lưu hành tại thời điểm phát hành ( $I = 0,5$ )

$PR$ : Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu ( $PR=10.000$  đồng/cổ phiếu)

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh. Giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng  $P_{pl}$  phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng  $P_t$

+ Nếu  $P_t = PR = 10.000$  đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng  $P_{pl} = P_t = 10.000$  đồng/cổ phiếu.

+ Nếu  $P_t < PR$ , thì  $P_t < P_{pl}$  và  $P_t$  càng thấp thì khoảng cách  $P_{pl} - P_t$  sẽ càng cao.

+ Nếu  $P_t > PR$  thì  $P_t > P_{pl}$  và  $P_t$  càng cao thì khoảng cách  $P_t - P_{pl}$  càng cao. Với mỗi giá  $P_t$  cụ thể ta sẽ có giá  $P_{pl}$  tương ứng.

Rủi ro pha loãng giá xảy ra khi giá cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền  $P_t > PR = 10.000$  đồng.

**Ví dụ:** Giả sử giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền  $P_t = 11.000$  đồng/cổ phiếu. Giá pha loãng cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinam sau đợt phát hành được xác định như sau:

$$P_{pl} = \frac{11.000 + (10.000 \times 0,5)}{1 + 0,5} = 10.667 \text{ đồng/cp}$$

##### **❖ Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần sau khi chào bán**



Khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể sẽ bị giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng. Khi đó EPS được tính như sau:

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

$$\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

*Trong đó:*

- X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

*Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.*

❖ **Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách**

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành – cổ phiếu quỹ}}$$

*Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (tối đa là 50% và giả sử không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm*

❖ **Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

**2. Mục đích chào bán và Phương án sử dụng vốn**

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 98.999.970.000 đồng, toàn bộ số tiền này sẽ được Công ty sử dụng như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền đầu tư (đồng)
1	Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh mua bán khí LPG (kinh doanh tại trụ sở)	49.999.970.000



2	Đầu tư góp vốn vào một hoặc một số trong các công ty sau: Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7; Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo; Công ty TNHH Vinam Sài Gòn.	49.000.000.000
	<b>Tổng tiền</b>	<b>98.999.970.000</b>

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng Quản trị xây dựng kế hoạch chi tiết về việc sử dụng vốn của đợt chào bán, điều chỉnh số tiền sử dụng cho từng mục đích sử dụng vốn và/hoặc thay đổi/điều chỉnh phương án sử dụng vốn so với phương án nêu trên để đảm bảo phù hợp tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

### **III. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ THEO QUY MÔ VỐN MỚI TĂNG THÊM SAU KHI HOÀN TẤT ĐỢT PHÁT HÀNH**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT sửa đổi Khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty theo quy mô vốn mới sau khi hoàn tất đợt phát hành.

### **IV. LƯU KÝ VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM**

Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành.

### **V. ỦY QUYỀN**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phát hành nêu trên, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị :

- Quyết định phương án chi tiết chào bán cổ phiếu, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện và hoàn thành một cách hợp pháp và đúng quy định.
- Lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp; quyết định mức giá chào bán vào từng thời điểm cụ thể phù hợp với tình hình thị trường nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và tuân thủ quy định của pháp luật.
- Xử lý số cổ phần không chào bán hết. (Hội đồng quản trị được toàn quyền quyết định đối tượng chào bán ; điều kiện, phương thức và giá chào bán cho đối tượng khác với điều kiện không được ưu đãi hơn so với cổ đông hiện hữu).
- Triển khai các công việc cần thiết để thay đổi đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi điều lệ Công ty liên quan đến vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành việc phát hành;
- Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung, và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm theo phương án nêu trên tại VSD và HNX theo đúng quy định của pháp luật ;
- Triển khai phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích chào bán, đảm bảo lợi ích của cổ đông, Công ty; tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất ;





- Quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết, bao gồm cả việc thay đổi/điều chỉnh phương án sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế nếu xét thấy cần thiết và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.
- Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết khác để hoàn thành việc chào bán cổ phiếu theo phương án nêu trên. Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước để việc huy động vốn của Công ty đảm bảo thành công và đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

